TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày: 25-5-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chính

2. Ông Phan Minh Sang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Chúc Ni, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Kim, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ (gọi tắt là Ngân hàng)

Địa chỉ: 199 N, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thanh S, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Trần Trung D, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (Văn bản ủy quyền số 303 ngày 08/7/2020).

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Quách Minh Đ, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Cà Mau và/hoặc bà Nguyễn Thị Ngọc D, chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh Cà Mau (văn bản ủy quyền số 491 ngày 16/9/2021).

Địa chỉ: Số 7, Đ, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bà D có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985, vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn Đ, vắng mặt

3.2. Bà Lư Thị X, vắng mặt

3.3. Ông Nguyễn Quốc H, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp 11, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2021 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ có cho bà N vay tiền theo 02 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng số 0230/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020, số tiền vay là 500 triệu đồng, thời gian vay là 06 tháng, từ ngày 10/5/2021 đến ngày 10/11/2021, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, phương thức thanh toán đối với tiền vay gốc là trả một lần khi đáo hạn, lãi trả vào ngày 15 hàng tháng. Quá trình vay bà N thanh toán lãi được 5.030.642 đồng; Hợp đồng số 0231/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020, số tiền vay là 300 triệu đồng, thời gian vay là 60 tháng (từ ngày 06/11/2020 đến ngày 16/11/2025), lãi suất 10,6%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, phương thức thanh toán là gốc và lãi trả vào ngày 15 hàng tháng. Quá trình vay bà N thanh toán được 53.444.400 đồng (trong đó gốc 35 triệu đồng, lãi 18.444.400 đồng). Kể từ ngày 16/7/2021 bà N không tiếp tục thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng theo hai hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

Để đảm bảo các khoản vay, bà N và Ngân hàng ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 0230/2020/HĐTC/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020. Tài sản thể chấp là bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0179597 cấp ngày 08/6/1998 tên Phạm Văn Đ, sau đó tặng cho bà N ngày 26/3/2020 và bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 252790 cấp ngày 01/7/2020 tên Phạm Văn Đ và Lư Thị X, sau đó tặng cho bà N ngày 21/7/2020.

Nay Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ yêu cầu

Tòa án buộc bà N thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ theo hai hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến hết ngày 25/5/2022 là 855.699.445 đồng, trong đó vốn là 765.000.000 đồng, lãi trong hạn là 44.090.527 đồng, lãi phạt gốc là 44.127.000 đồng, lãi phạt lãi là 2.481.919 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà N không thanh toán nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên.

* Tại biên bản hòa giải ngày 17/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị N trình bày:

Bà N thống nhất với lời trình bày của bà D đại diện Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ về các khoản nợ vay của bà đối với Ngân hàng, tài sản thế chấp và số tiền hiện còn nợ Ngân hàng.

Nay bà xin Ngân hàng cho bà thời hạn 01 tháng kể từ ngày 17/11/2021 để bà thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì bà thống nhất xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng.

* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/02/2022, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/02/2022, ông Phạm Văn Đ và bà Lư Thị X trình bày:

Ông bà là cha mẹ ruột của bà N. Các tài sản bà N thế chấp cho Ngân hàng là của ông bà đã cho tặng bà N. Tại thời điểm bà N vay tiền và ký hợp đồng thế chấp tài sản thì ông bà đang ở trên phần nhà đất thế chấp. Ông bà biết việc bà N vay tiền và thế chấp tài sản, ông bà không có ý kiến gì. Hiện tại, bà N chưa thanh toán được nợ cho Ngân hàng vì đang gặp khó khăn. Trường hợp, bà N không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì ông bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà bà N đã ký kết với Ngân hàng.

* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/02/2022, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/02/2022, ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Ông là chồng bà N, ông và bà N chung sống với nhau 05 năm nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại thời điểm bà N vay tiền ngân hàng và ký hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng thì ông đã chung sống với bà N, ông đang ở trên phần nhà và đất thế chấp cho Ngân hàng. Ông biết việc bà N vay tiền Ngân hàng và ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, ông không có ý kiến gì. Đối với phần đất và căn nhà ở thế chấp cho Ngân hàng là tài sản của cha mẹ bà N cho bà N, không liên quan đến ông. Riêng căn nhà nuôi chim yến là của ông và bà N cùng đầu tư xây dựng. Trường hợp, bà N không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì ông Đ ý xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà bà N đã ký kết với Ngân hàng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà N thanh toán cho Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ số tiền vay tính đến hết ngày 25/5/2022 là 855.699.445 đồng, trong đó vốn là 765.000.000 đồng, lãi trong hạn là 44.090.527 đồng, lãi phạt gốc là 44.127.000 đồng, lãi phạt lãi là 2.481.919 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà N không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị N thanh toán tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, nên đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng; Bà N có địa chỉ tại ấp 11, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà N, ông Đ, bà X, ông H được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Ngày 05/11/2020, Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ và bà Phạm Thị N có ký kết hai Hợp đồng tín dụng, gồm: Hợp đồng số 0230/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020, số tiền vay là 500 triệu đồng, thời gian vay là 06 tháng, từ ngày 10/5/2021 đến ngày 10/11/2021, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá

hạn, lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, phương thức thanh toán đối với tiền vay gốc là trả một lần khi đáo hạn, lãi trả vào ngày 15 hàng tháng; Hợp đồng số 0231/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020, số tiền vay là 300 triệu đồng, thời gian vay là 60 tháng (từ ngày 06/11/2020 đến ngày 16/11/2025), lãi suất 10,6%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, phương thức thanh toán là gốc và lãi trả vào ngày 15 hàng tháng. Bà N cũng thừa nhận việc có vay tiền của Ngân hàng như người đại diện của Ngân hàng trình bày. Do đó, xác định giao dịch vay tiền của bà N với Ngân hàng là có thật và hợp pháp.

[4] Đối với khoản vay theo Hợp đồng số 0230/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020, bà N đã thanh toán lãi được 5.030.642 đồng. Đối với khoản vay theo Hợp đồng số 0231/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020, bà N thanh toán được 53.444.400 đồng (trong đó gốc 35 triệu đồng, lãi 18.444.400 đồng). Kể từ ngày 16/7/2021 bà N không thanh toán phần vốn và lãi còn lại theo hai hợp đồng này. Hiện tại, tính đến hết ngày 25/5/2022 bà N còn nợ Ngân hàng số tiền 855.699.445 đồng, trong đó vốn là 765.000.000 đồng, lãi trong hạn là 44.090.527 đồng, lãi phạt gốc là 44.127.000 đồng, lãi phạt lãi là 2.481.919 đồng.

Do bà N đã vi phạm Hợp đồng, không tiếp tục thanh toán vốn lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán nợ là phù hợp. Do đó, cần buộc bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tính đến hết ngày 25/5/2022 là 855.699.445 đồng, trong đó vốn là 765.000.000 đồng, lãi trong hạn là 44.090.527 đồng, lãi phạt gốc là 44.127.000 đồng, lãi phạt lãi là 2.481.919 đồng. Ngoài ra, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/5/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết đối với hai khoản vay nêu trên.

[5] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng, xét thấy việc bà N ký kết hợp đồng thế chấp số 0230/2020/HĐTC/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020, tài sản thế chấp là bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0179597 cấp ngày 08/6/1998 tên Phạm Văn Đ, sau đó tặng cho bà N ngày 26/3/2020 và bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 252790 cấp ngày 01/7/2020 tên Phạm Văn Đ và Lư Thị X, sau đó tặng cho bà N ngày 21/7/2020, là hoàn toàn tự nguyện. Bà N là người đứng tên quyền sở hữu các tài sản thế chấp. Ông Đ, bà X, ông H biết và

không có ý kiến gì về việc bà N vay tiền Ngân hàng và ký kết hợp đồng thế chấp. Quá trình giải quyết vụ án, bà N, ông Đ, bà X, ông H đều xác định trường hợp bà N không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì các ông bà đồng ý xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà bà N đã ký kết với Ngân hàng nêu trên. Mặc khác, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình thể hiện các tài sản theo hợp đồng thế chấp giữa bà N và Ngân hàng là đúng và phù hợp với thực tế hiện trạng tài sản thế chấp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa bà N với Ngân hàng trong trường hợp bà N không thanh toán được nợ cho Ngân hàng.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngoài ra, bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 200.000 đồng. Do nguyên đơn đã tạm nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền này. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[7] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, nên thời hạn kháng cáo của nguyên đơn tính kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày các đương sự này nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 317, 320, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ về việc yêu cầu bà Phạm Thị N thanh toán nợ vay. Buộc bà Phạm Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ khoản tiền vay còn nợ tính đến hết ngày 25/5/2022 với tổng số tiền là 855.699.445 đồng (tám trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó vốn là 765.000.000 đồng (bảy

trăm sáu mươi lăm triệu đồng), lãi trong hạn là 44.090.527 đồng (bốn mươi bốn triệu không trăm chín mươi nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng), lãi phạt gốc là 44.127.000 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng), lãi phạt lãi là 2.481.919 đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm mười chín đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/5/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 0230/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020 và Hợp đồng tín dụng số 0231/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020.

Trường hợp bà N không thanh toán khoản tiền vay còn nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 0230/2020/HĐTC/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 05/11/2020 theo quy định pháp luật.

2. Buộc bà N trả cho Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà N phải chịu 37.671.000 đồng (Ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng, làm tròn số). Trả lại cho nguyên đơn khoản tiền nộp tạm ứng án phí 17.785.000 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014556 ngày 28/10/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N, ông Đ, bà X, ông H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bảo Trâm